

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 139/2019/TLST –HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019, của những người yêu cầu:

- Anh Lê Ngọc V - sinh năm 1987

Địa chỉ: xóm 7, xã Nghi Ân, thành phố Vinh, Nghệ An.

- Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1990

Địa chỉ: xóm 7, xã Nghi Ân, thành phố Vinh, Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận các đương sự ngày 10 tháng 5 năm 2019

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận các đương sự ngày 10 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Ngọc V và chị Nguyễn Thị T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc nuôi con chung: Anh Lê Ngọc V và chị Nguyễn Thị T thống nhất có hai con chung tên là Lê Ngọc Tú Quỳnh – sinh ngày 09/7/2010 và Lê Ngọc Trâm Anh – sinh ngày 02/7/2015. Nay ly hôn anh Lê Ngọc V, chị Nguyễn Thị T thỏa thuận: Giao con chung tên là Lê Ngọc T – sinh ngày 02/7/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Giao con chung tên là Lê Ngọc T – sinh ngày 09/7/2010 cho anh Lê Ngọc V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con

đủ tuổi trưởng thành. Anh Lê Ngọc V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tuyết mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) kể từ tháng 6/2019 đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Anh Lê Ngọc V có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Ngọc V và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về lệ phí: Anh Lê Ngọc V và chị Nguyễn Thị T thống nhất thỏa thuận: Anh Lê Ngọc V chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) lệ phí sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006222 ngày 10/5/2019 hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh.

3. Kể từ ngày chị Nguyễn Thị T làm đơn yêu cầu khoản tiền nói trên. Nếu anh V không thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND TP.Vinh;
- Chi cục THADS TP.Vinh;
- UBND phường Vinh Tân, TP Vinh (số 35 quyển số 1/2009);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Hải Yến**